

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2019

V/v: Ly hôn giữa chị Ch và anh Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Ty.

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị Bích C, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà 25A đường Trần Nguyên H, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 148/37 đường Nguyễn Văn C, phường Lộc S, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Ch và anh Đ đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị Bích C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/2012 tại UBND phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất

đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xích mích, cãi vã, anh Đ thường xuyên chửi mắng, có những lời lẽ không hay xúc phạm chị và gia đình chị, có lúc nóng giận còn đánh đập chị. Đến tháng 02/2016 anh Đ đi chấp hành án hình phạt tù, trong thời gian 02 năm đầu anh Đ đi chấp hành án chị vẫn sống cùng bố mẹ chồng, cuộc sống khó khăn về kinh tế, chị vẫn đi làm kiếm tiền nuôi con và đi thăm nuôi anh Đ. Tuy nhiên gia đình anh Đ thường gây áp lực xúc phạm, chửi mắng chị. Do cuộc sống khổ cực và chịu áp lực từ gia đình chồng nên từ tháng 03/2017 chị đã đưa 02 con về nhà bố mẹ ruột sinh sống. Đến đầu năm 2019 anh Đ chấp hành án xong có đến gặp nói chuyện với chị và gia đình chị nhưng do chị không còn tình cảm với anh Đ nữa nên chị không đồng ý trở về chung sống. Nay tình cảm của chị và anh Đ không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 07/02/2015 và Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 29/10/2012. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi 02 con chung vì từ khi anh Đ đi chấp hành hình phạt tù thì chị đưa 02 con về nhà ngoại nuôi dưỡng cho đến nay.

Về tài sản chung: Chị Ch khai không có.

Nợ chung: Chị Ch khai không có.

Tại phiên tòa, chị Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đ/1 tháng (Hai triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đào Thị Bích C đăng ký kết hôn đúng như chị Ch trình bày. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu 02 năm. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, kinh tế khó khăn nên hay xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Chị Ch nhắn tin với người khác nói xấu gia đình chồng nên anh mới bức tức dẫn đến cãi vã, xô xát, sau đó vợ chồng vẫn chung sống bình thường đến đầu năm 2016 thì anh đi chấp hành án hình phạt tù, chị Ch vẫn sống cùng bố mẹ anh. Không biết lý do gì từ tháng 03/2017 chị Ch đưa 02 con chung về nhà bố mẹ ruột sinh sống. Thời điểm này chị Ch vẫn đến thăm nuôi anh nhưng từ giữa năm 2018 trở đi chị Ch không đến thăm anh nữa. Sau khi chấp hành án xong, anh có đến nhà bố mẹ vợ thuyết phục chị Ch quay về hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Ch không đồng ý. Nay anh vẫn còn yêu thương chị Ch, mong muốn gia đình đoàn tụ cùng nuôi dạy con và anh là người theo đạo Thiên Chúa giáo nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như chị Ch trình bày. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị

Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ khai không có.

Nợ chung: Anh Đ khai không có.

Tại phiên tòa, anh Đ vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với chị Ch. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/7/2019 nhưng không thành.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ch đối với anh Nguyễn Ngọc Đ; Giao con chung Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 07/02/2015 và Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 29/10/2012 cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đ/1 tháng (Hai triệu đồng); Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét; Về án phí: Buộc chị Ch và anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị Bích C và anh Nguyễn Ngọc Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Ch và anh Đ có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế nên cuộc sống chung có xảy ra cãi vã, xô xát. Từ năm 2016 anh Đ phải chấp hành án hình phạt tù, chị Ch ở nhà một mình chăm sóc 02 con nhỏ, do cuộc sống kinh tế khó khăn thiếu thốn nên chị Ch đã đưa 02 con nhỏ về nhà bố mẹ ruột sinh sống từ tháng 3/2017 cho đến nay. Đến đầu năm 2019 anh Đ chấp hành án xong nhưng từ đó đến nay chị Ch vẫn không đồng ý trở về chung sống với anh Đ nữa. Tại phiên tòa chị Ch vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh Đ vì không còn tình cảm. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng chị Ch, anh Đ có mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, từ

khi anh Đ đi chấp hành án thì chị Ch đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Mặt khác anh Đ trình bày từ khi anh trở về có nói chuyện với chị Ch đề nghị đưa con về sống chung nhưng chị Ch không đồng ý và cương quyết ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị Ch và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ch là có căn cứ.

[2]. Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi 02 con chung của chị Ch thấy rằng từ khi chị Ch và anh Đ không sống chung với nhau thì 02 con nhỏ theo chị Ch về sinh sống cùng với ông bà ngoại, 02 cháu được chị Ch và gia đình ông bà ngoại chăm sóc phát triển bình thường. Về phía anh Đ trình bày trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng, do vậy giao 02 con chung Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 07/02/2015 và Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 29/10/2012 cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị Ch yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đ/1 tháng (Hai triệu đồng) nhưng anh Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung thấy rằng tại Điều 82 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Mặt khác anh Đ trình bày hiện nay anh đang làm thợ hàn sắt thu nhập trung bình một tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), như vậy cho thấy anh Đ có công việc ổn định và có thu nhập nên buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đ/1 tháng (Hai triệu đồng) là có căn cứ.

[3]. Về tài sản chung: Chị Ch và anh Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Chị Ch và anh Đ đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng định kỳ) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đào Thị Bích C và anh Nguyễn Ngọc Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 07/02/2015 và Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 29/10/2012 cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đ/1 tháng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Chị Ch và anh Đ khai không có.

4. Về nợ chung: Chị Ch và anh Đ khai không có.

5. Về án phí: Chị Đào Thị Bích C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005407 ngày 15/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị Ch đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng định kỳ) là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND phường 1, thành phố B;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền

